

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017
(Quý IV/2017)**



Hà Nội - Tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

107 - 0.000

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch	
	Ông Trần Thanh Hiệp	Thành viên	
	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
	Ông Tôn Thiện Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/12/2017
	Ông PHạm Uyên Nguyên	Thành viên	
Ban giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Trung	Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 21/8/2017
	Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/8/2017
	Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/12/2017
	Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng giám đốc	
Ban kiểm soát	Ông Kiều Việt Cường	Trưởng ban	
	Ông Nguyễn Vương Huynh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2017
	Ông Trịnh Hải Lý	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/07/2017
	Ông Nguyễn Hữu Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2017
	Ông Lê Văn Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2017

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

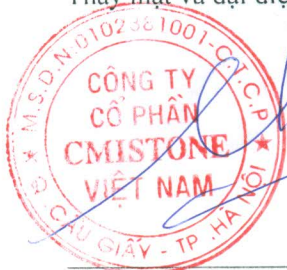
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Trung

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

10
C
C
M
VII
/01

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

Mẫu B 01A-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		45.453.784.225	192.920.855.758
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	35.815.121	2.220.869.999
1. Tiền	111		35.815.121	2.220.869.999
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.088.659.912	158.579.363.055
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.160.488.011	68.978.042.257
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54.184.999.390	50.260.047.804
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	2.211.000.000	2.211.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	40.885.631.513	42.312.756.337
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(97.353.459.002)	(5.182.483.343)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	15.468.232.091	26.319.954.652
1. Hàng tồn kho	141		22.707.533.313	26.319.954.652
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.239.301.222)	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		861.077.101	5.800.668.052
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	32.666.666	62.100.125
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		828.410.435	5.738.567.927
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		218.167.155.988	235.880.776.336
I Các khoản phải thu dài hạn	210		31.406.849.765	31.406.849.765
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		723.287.361	723.287.361
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	31.406.849.765	31.406.849.765
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(723.287.361)	(723.287.361)
II Tài sản cố định	220		122.674.675.616	127.384.449.836
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	115.387.383.928	119.764.658.148
- Nguyên giá	222		136.996.955.854	138.378.143.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.609.571.926)	(18.613.485.337)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	7.287.291.688	7.619.791.688
- Nguyên giá	228		9.975.000.000	9.975.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.687.708.312)	(2.355.208.312)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.329.922.801	52.281.385.469
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	42.329.922.801	52.281.385.469
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	4.021.302.212	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.613.494.133	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(592.191.921)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		17.734.405.594	24.808.091.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	17.734.405.594	24.808.091.266
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		263.620.940.213	428.801.632.094

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		247.896.047.933	296.507.485.260
I- Nợ ngắn hạn	310		150.266.675.332	192.788.112.659
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	7.712.462.087	9.544.640.712
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.960.758.965	6.006.537.630
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	29.179.987.089	35.105.098.727
4. Phải trả người lao động	314		89.425.168	1.473.602.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	29.834.327.896	54.514.113.594
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.785.832.412	7.376.464.849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	72.702.329.715	78.766.103.127
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.552.000	1.552.000
II- Nợ dài hạn	330		97.629.372.601	103.719.372.601
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	97.629.372.601	103.719.372.601
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		15.724.892.280	132.294.146.834
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	15.724.892.280	132.294.146.834
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.167.767.978	3.167.767.978
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		891.344.168	891.344.168
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(148.334.219.866)	(31.764.965.312)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(31.764.965.312)	15.517.062.646
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(116.569.254.554)	(47.282.027.958)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		263.620.940.213	428.801.632.094

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Hiền

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý IV (VND)		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VND)	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.661.899.321	2.105.992.100	28.147.295.642	4.003.452.192
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.661.899.321	2.105.992.100	28.147.295.642	4.003.452.192
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	1.416.196.543	2.146.969.633	25.130.104.531	7.774.813.075
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		245.702.778	(40.977.533)	3.017.191.111	(3.771.360.883)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	42.864	206.055	1.675.311	56.307.074
7. Chi phí tài chính	22	5.21	6.823.444.225	4.006.424.684	18.774.016.483	8.947.878.151
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.020.252.304</i>	<i>4.006.424.684</i>		<i>8.881.932.017</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	57.529.546	728.015.937	963.748.605	1.035.169.424
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	(446.779.638)	1.213.498.416	70.701.878.060	9.536.922.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(6.188.448.491)	(5.988.710.515)	(87.420.776.726)	(23.235.023.889)
11. Thu nhập khác	31	5.24	11.329.292.445	11.818.181.818	13.817.400.431	289.074.995
12. Chi phí khác	32	5.24	5.496.441.356	7.220.571.292	42.965.878.259	24.336.079.063
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		5.832.851.089	4.597.610.526	(29.148.477.828)	(24.047.004.068)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(355.597.402)	(1.391.099.989)	(116.569.254.554)	(47.282.027.957)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(355.597.402)	(1.391.099.989)	(116.569.254.554)	(47.282.027.957)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	(22)	(87)	(7.286)	(2.955)

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Hiền



Tổng giám đốc

Nguyễn Hữu Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.743.021.630	1.312.378.171
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.124.967.946)	(171.703.355)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(592.908.000)	(1.590.594.849)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(843.329.310)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(53.337.955)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	522.487.300	25.083.170.053
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.569.713)	(4.424.929.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.538.063.271	19.311.653.752
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.507.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	206.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.507.000.000)	206.055
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.027.161.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.559.000)	(20.447.827.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(42.559.000)	(18.420.666.254)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(11.495.729)	891.193.553
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	47.310.850	1.329.763.713
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	35.815.121	2.220.957.266

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Hiền

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Trung

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Vốn điều lệ là 160.000.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: CMI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động tại ngày 31/12/2017 là 50 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, khai thác cát sỏi, khai thác đất sét; Khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Chi tiết: khai thác quặng, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krom, niken, coban, molybden, tantali, vanadi;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và các chất phụ gia khác; khai thác đá quý, bột thạch anh mica...; khai thác đá vôi trắng (CaCO₃);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác như: bán buôn phương tiện vận tải, bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Tư vấn môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản; quảng cáo bất động sản; quản lý bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: đầu tư và xây dựng công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09A-DN

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo quý IV được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Kế toán máy

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với các công trình xây dựng

Các công trình xây dựng do Công ty đầu tư xây dựng để bán hoặc các công trình do Công ty đầu tư xây dựng cùng với các đối tác khác để bán được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc các công trình xây dựng bao gồm các chi phí để có được quyền sử dụng đất, chi phí trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí thiết kế, giám sát và các chi phí cần thiết khác để có được công trình sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	10
Máy móc, thiết bị khác	03-07
Phương tiện vận tải	06-07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Tài sản cố định vô hình**Giấy phép khai thác mỏ**

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí đã phát sinh để có được giấy khai thác mỏ. Giấy phép khai thác mỏ được khấu hao trong thời gian 30 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- ✓ Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	118.224	27.973.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.696.897	2.192.896.193
Cộng	35.815.121	2.220.869.999

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	29.160.488.011	68.978.042.257
Công ty TNHH XD Dân dụng và CN Delta	4.394.096.401	-
Công ty Cổ phần XK&KT Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	8.540.637.352	53.892.725.040
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	1.180.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	2.610.148.029	2.610.148.029
Công ty CP Khoáng sản & CN Hưng Thịnh	9.315.527.734	9.315.527.734
Công ty Phát triển KCN Nghệ An	1.333.166.392	1.333.166.392
Phải thu của các khách hàng khác	1.786.912.103	1.826.475.062
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	723.287.361	723.287.361
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	723.287.361	723.287.361
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.628.739.694	53.980.827.382
Công ty Cổ phần XK&KT Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	8.540.637.352	53.892.725.040
Công ty CP Thương mại XD và ĐT Hoàng Long	88.102.342	88.102.342

5.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho bên liên quan vay không lãi, khoản cho vay chưa có hợp đồng: Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long, số tiền: 2.211.000.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2017, dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 2.211.000.000 đồng.

5.4 Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	40.885.631.513	18.716.804.994	42.312.756.337	2.269.894.717
- Ký cược, ký quỹ	136.259.147	-	136.259.147	-
- Tạm ứng	21.933.711.960	-	25.101.450.773	-
- Phải thu khác	18.815.660.406	18.716.804.994	17.075.046.417	2.269.894.717
b) Dài hạn	31.406.849.765	-	31.406.849.765	-
- Ký cược, ký quỹ	1.408.175.085	-	1.408.175.085	-
- Phải thu khác	29.998.674.680	-	29.998.674.680	-
Cộng	72.292.481.278	18.716.804.994	73.719.606.102	2.269.894.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

Chi tiết phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	18.815.660.406	18.716.804.994	17.075.046.417	2.269.894.717
Công ty CP XK&KT Khoáng sản Việt Nam	8.014.304.668	8.014.304.668	8.014.304.668	-
Công ty CP Công nghiệp TM&DV Hoàng Sơn	3.262.249.836	3.262.249.836	3.262.249.836	-
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	971.106.250	971.106.250	968.281.250	-
Ông Nguyễn Huy Liêm	1.383.313.839	1.383.313.839	1.383.313.839	1.383.313.839
Công ty CP XD Vạn Xuân	561.817.600	561.817.600	561.817.600	-
Công ty TNHH Cavico Khoáng sản Lào	567.614.400	567.614.400	567.614.400	-
Phải thu khác	4.055.253.813	3.956.398.401	2.317.464.824	886.580.878
Dài hạn	29.998.674.680	-	29.998.674.680	-
Ông Trần Thanh Hiệp (1)	8.809.000.000	-	8.809.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hùng (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Mạnh (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Ông Trần Thanh Hữu (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Trung (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp TM&DV Hoàng Sơn (2)	16.389.674.680	-	16.389.674.680	-
Cộng	48.814.335.086	18.716.804.994	47.073.721.097	2.269.894.717

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01NQ/ĐHĐCĐTN/CMi-2016 ngày 30/06/2016 đã thông qua việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị đứng tên vay vốn để thành lập Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào, mua 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và dịch vụ Hoàng Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Vạn Xuân và chỉ được chuyển nhượng dự án, cổ phần này cho Công ty. Đến nay, Hội đồng Quản trị chưa hoàn thành công việc được ủy thác.

(2) Căn cứ hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMi -2014 ngày 01/11/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn, Công ty dự kiến góp vốn 25 tỷ đồng để cùng đầu tư xây dựng, lắp đặt, khai thác trạm tuyến chế biến Mỏ quặng sắt tại thôn Làng Hồ, xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Thời gian hợp đồng từ 01/11/2014 đến khi hết hiệu lực của Giấy phép Khai thác mỏ. Công ty được hưởng 85% lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đã góp 16.389.674.680 đồng bằng quyền đòi nợ các đối tác và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavico Lào. Đến ngày 31/12/2016 và cho đến nay, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn vẫn chưa được cấp gia hạn Giấy phép khai thác mỏ, Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam vẫn chưa nộp đủ số vốn góp thiếu theo hợp đồng. Số tiền chưa góp đủ là 8.610.325.320 đồng.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	101.064.225.228	2.987.478.865	6.172.069.131	266.298.427

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

Trong đó:

	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn Từ 1 đến 2 năm	Quá hạn Từ 2 đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long				2.211.000.000
Công ty Cổ phần XK&KT Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)				64.755.976.407
Công ty CP Khoáng sản & Công nghiệp Hưng Thịnh				9.315.527.734
Công ty CP Thủy điện Đăkring				3.333.435.390
Cty CP công nghiệp TM & Dịch vụ Hoành Sơn				2.025.667.720
Công ty phát triển khu công nghiệp Nghệ An				4.595.416.228
Nguyễn Huy Liêm				1.383.313.839
Nguyễn Hồng Tân				1.375.104.675
Công ty TNHH Cavico khoáng sản Lào (CLM)				567.614.400
Các đối tượng khác				11.501.168.835

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	384.497.675	(384.497.675)	4.299.336.517	-
Công cụ, dụng cụ	114.330.301	(73.180.301)	137.427.997	-
Chi phí SX KDDD	14.911.341.543	(595.615.601)	13.834.124.991	-
Thành phẩm	7.297.363.794	(6.186.007.645)	7.983.200.129	-
Hàng hóa	-	-	65.865.018	-
Cộng	22.707.533.313	(7.239.301.222)	26.319.954.652	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	32.666.666	62.100.125
- Chi phí thuê nhà, thuê nhà xưởng	-	-
Công cụ dụng cụ	2.666.666	44.149.049
Chi phí bảo hiểm	-	17.951.076
Chi phí tiền thuê VP	30.000.000	-
b) Dài hạn	17.734.405.594	24.808.091.266
Công cụ dụng cụ	213.671.769	610.052.262
Chi phí bảo hiểm	-	3.966.671
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	17.520.733.825	24.194.072.333
Cộng	17.767.072.260	24.870.191.391

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng của nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghĩa Đàn được phân bổ trong 17 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, chuyên dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	25.076.882.742	98.890.087.693	10.004.974.101	4.406.198.949	138.378.143.485
Tăng trong năm	9.738.419.004	-	-	-	9.738.419.004
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.738.419.004	-	-	-	9.738.419.004
Giảm trong năm	-	4.161.052.782	6.958.553.853	-	11.119.606.635
Thanh lý nhượng bán	-	405.119.592	581.432.727	-	986.552.319
Giảm khác	-	3.755.933.190	6.377.121.126	-	10.133.054.316
Số dư tại 31/12/2017	34.815.301.746	94.729.034.911	3.046.420.248	4.406.198.949	136.996.955.854
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	796.936.864	13.559.702.174	4.185.130.099	71.716.200	18.613.485.337
Tăng trong năm	1.409.633.897	8.458.652.602	1.199.068.674	-	11.282.503.783
Khấu hao trong năm	1.409.633.897	8.458.652.602	1.199.068.674	215.148.610	11.282.503.783
Giảm trong năm	-	3.587.216.193	4.699.201.001	-	8.286.417.194
Thanh lý nhượng bán	-	333.810.341	548.219.170	-	882.029.511
Giảm khác	-	3.253.405.852	4.150.981.831	-	7.404.387.683
Số dư tại 31/12/2017	2.206.570.761	18.431.138.583	684.997.772	286.864.810	21.609.571.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	24.279.945.878	85.330.385.519	5.819.844.002	4.334.482.749	119.764.658.148
Tại ngày 31/12/2017	32.608.730.985	76.297.896.328	2.361.422.476	4.119.334.139	115.387.383.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	9.975.000.000	9.975.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	9.975.000.000	9.975.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017	2.355.208.312	2.355.208.312
Tăng trong năm	332.500.000	332.500.000
Khấu hao trong năm	332.500.000	332.500.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	2.687.708.312	2.687.708.312
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	7.619.791.688	7.619.791.688
Tại 31/12/2017	7.287.291.688	7.287.291.688

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Mua sắm		
Khuôn đúc, lưới cưa	2.536.664.227	-
Xây dựng cơ bản		
Dự án mô Quỳ Hợp	13.639.104.645	13.639.104.645
Nhà máy chế biến bột đá (*)	11.589.263.554	11.589.263.554
Dự án Bất động sản Mỹ Trì	6.865.234.524	6.865.234.524
Nhà máy đá Nhân tạo (Nghĩa Đàn)	61.889.825	6.598.155.326
Dự án Vũng Áng	7.539.314.920	7.459.627.420
Nhà máy đá siêu mịn (**)	-	6.130.000.000
Xây dựng bãi chứa nguyên liệu	98.451.106	-
Cộng	42.329.922.801	52.281.385.469

(*) Nhà máy Chế biến bột đá: Hợp đồng chuyển nhượng ngày 12/04/2016 với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng về việc chuyển nhượng các hạng mục đã đầu tư trên lô đất C14, C15, khu C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An (thuộc dự án Nhà máy Calcium Carbonate của Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản và Công nghiệp nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (CMI). Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng đã chuyển ứng 100% giá trị hợp đồng với số tiền 5.750.000.000 đồng, tuy nhiên, đến nay hai bên chưa hoàn thành việc chuyển giao.

(**) Nhà máy Đá siêu mịn đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Chăn Nuôi C.P Việt Nam thuê lại từ nhà nước ngày 07/03/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2017		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			4.613.494.133	4.021.302.212	592.191.921
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	100%	100%	4.613.494.133	4.021.302.212	592.191.921

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	7.712.462.087	7.712.462.087	9.544.640.712	9.544.640.712
Guangzhou honesty trading Co., Ltd	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép XD Công nghiệp	721.304.958	721.304.958	1.571.304.958	1.571.304.958
Công ty CP Phát triển hạ tầng CN Đông Nam	1.406.756.410	1.406.756.410	1.446.756.410	1.446.756.410
Đội thi công Vũng Áng	467.974.965	467.974.965	467.974.965	467.974.965
Công ty TNHH Vận tải & TM Quốc Bảo	-	-	302.600.000	302.600.000
Công ty CP Chứng khoán MB	209.000.000	209.000.000	209.000.000	209.000.000
Công ty TNHH Thịnh Gia	518.591.423	518.591.423	150.028.960	150.028.960
Đối tượng khác	2.370.149.331	2.370.149.331	3.378.290.419	3.378.290.419
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.712.462.087	7.712.462.087	9.544.640.712	9.544.640.712

Trong đó:

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả các bên liên quan	3.755.600	3.755.600	5.700.600	5.700.600
Công ty CP Siêu thị Thuộc Việt	3.755.600	3.755.600	5.700.600	5.700.600

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2017
Phải nộp	35.105.098.727	- 2.658.488.397	3.266.623.241	29.179.987.089
Thuế GTGT	5.181.058.332	(2.760.544.057)	2.420.514.275	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.891.367.629	-	744.053.306	14.147.314.323
Thuế thu nhập cá nhân	981.749.199	-	-	981.749.199
Thuế tài nguyên	7.654.002.971	-	-	7.654.002.971
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	86.426.667	86.426.667	-
Các loại thuế khác	7.607.056	15.628.993	15.628.993	7.607.056
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.389.313.540	-	-	6.389.313.540
Phải thu	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	29.834.327.896	54.514.113.594
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn - tiền mua quặng	-	11.347.966.755
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam - tiền thuê thiết bị	-	13.897.708.813
Chi phí lãi vay phải trả	25.791.647.879	12.584.890.709
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thương mại Hà Thái - chi phí vận chuyển và chế biến quặng	-	14.344.359.478
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.042.680.017	2.339.187.839
b) Dài hạn	-	-
Cộng	29.834.327.896	54.514.113.594

5.15 Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.785.832.412	7.376.464.849
Kinh phí công đoàn	121.656.904	121.656.904
Bảo hiểm xã hội	2.454.733.427	2.454.733.427
Bảo hiểm y tế	90.910.190	90.910.190
Bảo hiểm thất nghiệp	5.139.832	5.139.832
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.113.392.059	4.704.024.496
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.785.832.412	7.376.464.849

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ Phần XK&KT khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	-	3.388.047.802
Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng	333.881.996	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.779.510.063	1.315.976.694
Cộng	2.113.392.059	4.704.024.496

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	78.766.103.127	78.766.103.127	34.159.340.920	40.223.114.332	72.702.329.715	72.702.329.715
<i>Vay tổ chức</i>						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An (1)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt (2)	3.620.536.239	3.620.536.239	-	56.500.000	3.564.036.239	3.564.036.239
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam (2)	3.820.097.562	3.820.097.562	-	3.820.097.562	-	-
Công ty CP Đầu tư XD và TM Hà Thái	4.150.000.000	4.150.000.000	-	4.150.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Đại Gia Phát (3)	535.000.000	535.000.000	15.233.965.868	14.495.885.039	1.273.080.829	1.273.080.829
<i>Vay ngân hàng</i>						
Ngân hàng NN&PTNT - CN Hoàng Quốc Việt (4)	16.938.328.657	16.938.328.657	-	1.138.983.452	15.799.345.205	15.799.345.205
Ngân hàng NN&PTNT - CN Hà Đông (5)	26.960.266.379	26.960.266.379	12.723.000.000	12.919.266.379	26.764.000.000	26.764.000.000
<i>Vay cá nhân (6)</i>						
Ông Trần Thanh Hiệp	1.022.685.044	1.022.685.044	3.400.000	87.000.000	939.085.044	939.085.044
Ông Trần Thanh Hữu	454.277.500	454.277.500	98.685.000	103.560.900	449.401.600	449.401.600
Ông Nguyễn Hữu Trung	434.000.000	434.000.000	-	-	434.000.000	434.000.000
Ông Vũ Ngọc Hiếu	7.361.000	7.361.000	2.000.000	2.000.000	7.361.000	7.361.000
Bà Vũ Thị Thùy Linh	313.000.000	313.000.000	-	313.000.000	-	-
Ông Hoàng Anh Trung	1.960.000.000	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	-
Ông Nguyễn Vương Huỳnh	-	-	7.000.000	-	7.000.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng NN&PTNT - CN Hoàng Quốc Việt (7)	10.178.000.000	10.178.000.000	2.591.290.052	1.176.821.000	11.592.469.052	11.592.469.052
Ngân hàng NN&PTNT - CN Hà Đông (8)	5.000.000.000	5.000.000.000	3.500.000.000	-	8.500.000.000	8.500.000.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	103.719.372.601	103.719.372.601	-	6.090.000.000	97.629.372.601	97.629.372.601
<i>Ngân hàng NN&PTNT - CN Hoàng Quốc Việt (7)</i>						
- Từ 1 năm đến 5 năm	23.719.372.601	23.719.372.601	-	2.590.000.000	21.129.372.601	21.129.372.601
<i>Ngân hàng NN&PTNT - CN Hà Đông (8)</i>						
- Từ 1 năm đến 5 năm	80.000.000.000	80.000.000.000	-	3.500.000.000	76.500.000.000	76.500.000.000
c) Nợ thuê tài chính						
Cộng	182.485.475.728	182.485.475.728	34.159.340.920	46.313.114.332	170.331.702.316	170.331.702.316
d) Vay và nợ với bên liên quan						
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt (2)	3.620.536.239	3.620.536.239	-	56.500.000	3.564.036.239	3.564.036.239
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam (2)	3.820.097.562	3.820.097.562	-	3.820.097.562	-	-
Ông Trần Thanh Hiệp	1.022.685.044	1.022.685.044	3.400.000	87.000.000	939.085.044	939.085.044
Ông Trần Thanh Hữu	454.277.500	454.277.500	98.685.000	-	449.401.600	449.401.600
Ông Nguyễn Hữu Trung	434.000.000	434.000.000	-	-	434.000.000	434.000.000
Ông Hoàng Anh Trung	1.960.000.000	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	-

- (1) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-21062010/HTĐT-CVCSM-TAS ký ngày 21/06/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 21/02/2011, Mục đích: Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An góp tiền cho Công ty CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam) để Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam làm đại diện sử dụng số tiền góp này để đầu tư chứng khoán, Lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm, Thời hạn hợp đồng 26/07//2011. Hiện nay Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng Mã số thuế do đó Công ty không thực hiện đối chiếu được khoản công nợ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- (2) Khoản vay các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi.
- (3) Khoản vay Công TNHH đầu tư Đại Gia Phát không có tài sản đảm bảo, lãi suất theo lãi cho vay của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Đông Hà Nội.
- (4) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LV201600205 ký ngày 15/04/2016 với các điều khoản sau: Hạn mức 23.500.000.000 đồng, Thời hạn vay 12 tháng, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, Lãi suất theo từng lần nhận nợ, Tài sản đảm bảo: Đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp: 1450-LCP-200801759; 1450-LCP-201100081; 1450-LCP-201300246; 1450-LCP-201500291.
- (5) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201600050 ký ngày 04/02/2016 với các điều khoản sau: Hạn mức vay 35.000.000.000 đồng, Thời hạn hiệu lực 12 tháng, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, Lãi suất Theo từng lần nhận nợ, Tài sản đảm bảo: là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.
- (6) Khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, không tính lãi.
- (7) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:
- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201500035 ký ngày 22/01/2015 với điều khoản
Hạn mức 3.150.000.000 đồng;
Thời hạn hiệu lực 48 tháng;
Mục đích vay Mua 01 máy xúc lật, 06 xe ô tô Dongfeng;
Lãi suất Lãi suất tại ngày vay 10,5%, lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần;
Tài sản đảm bảo Tài sản đảm bảo là 01 máy xúc lật, 06 xe ô tô Dongfeng hình thành trong tương lai
 - Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100330 15/09/2011
Hạn mức 5.000.000.000
Thời hạn hiệu lực 60 tháng
Mục đích vay Mua máy móc thiết bị
Lãi suất Lãi suất thả nổi
Tài sản đảm bảo Tài sản đảm bảo là quyền đầu tư khai thác mỏ sắt tại Yên Bái

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015 với các điều khoản sau: Hạn mức vay 65.000.000.000 đồng; Thời hạn hiệu lực 96 tháng; mục đích vay : Đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An. Lãi suất tại ngày vay 11%/năm, Lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	15.589.062.646	179.648.174.792
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	47.354.027.958	47.354.027.958
Lỗ trong năm	-	-	-	47.282.027.958	47.282.027.958
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	72.000.000	72.000.000
Số dư tại 31/12/2016	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(31.764.965.312)	132.294.146.834
Số dư tại 01/01/2017	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(31.764.965.312)	132.294.146.834
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	116.569.254.554	116.569.254.554
Lỗ	-	-	-	116.569.254.554	116.569.254.554
Số dư tại 31/12/2017	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(148.334.219.866)	15.724.892.280

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khoáng sản Việt Nam	18.975.000.000	18.975.000.000
Các cổ đông khác	141.025.000.000	141.025.000.000
Tổng	<u>160.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	160.000.000.000	160.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	(VND)	(VND)
a) Doanh thu	1.661.899.321	2.105.992.100
Doanh thu bán thành phẩm	1.661.899.321	2.105.992.100
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>1.661.899.321</u>	<u>2.105.992.100</u>

5.19 Giá vốn hàng bán

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	(VND)	(VND)
Giá vốn bán thành phẩm	1.416.196.543	2.146.969.633
Cộng	<u>1.416.196.543</u>	<u>2.146.969.633</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.864	206.055
Cộng	42.864	206.055

5.21 Chi phí tài chính

	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
Lãi tiền vay	4.020.252.304	4.006.424.684
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tôn thất đầu tư	2.803.191.921	-
Cộng	6.823.444.225	4.006.424.684

5.22 Chi phí bán hàng

	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	53.963.316	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.566.230	720.276.734
Chi phí bằng tiền khác		7.739.203
Cộng	57.529.546	728.015.937

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	388.503.000	408.804.000
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.298.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.987.500	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.417.853	121.272.671
Thuế phí và lệ phí	10.840.370	38.021.848
Chi phí dự phòng	(1.513.269.208)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	387.767.566
Chi phí bằng tiền khác	649.740.847	256.334.331
Cộng	(446.779.638)	1.213.498.416

5.24 Lợi nhuận khác

	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	11.329.292.445	11.818.181.818
Cộng	11.329.292.445	11.818.181.818
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	5.496.441.356	7.220.571.292
Cộng	5.496.441.356	7.220.571.292
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	5.832.851.089	4.597.610.526

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(355.597.402)	(1.391.099.989)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(355.597.402)	(1.391.099.989)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(22)	(87)

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.815.121	2.220.869.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(15.623.201.673)	114.624.714.243
Tổng	(15.587.386.552)	116.845.584.242
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	170.331.702.316	182.485.475.728
Phải trả người bán và phải trả khác	12.498.294.499	16.921.105.561
Chi phí phải trả	29.834.327.896	54.514.113.594
Tổng	212.664.324.711	253.920.694.883

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	12.498.294.499	-	12.498.294.499
Chi phí phải trả	29.834.327.896	-	29.834.327.896
Các khoản vay	72.702.329.715	97.629.372.601	170.331.702.316
Tổng	115.034.952.110	97.629.372.601	212.664.324.711
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	16.921.105.561	-	16.921.105.561
Chi phí phải trả	54.514.113.594	-	54.514.113.594
Các khoản vay	78.766.103.127	103.719.372.601	182.485.475.728
Tổng	150.201.322.282	103.719.372.601	253.920.694.883



CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.815.121	-	35.815.121
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(47.030.051.438)	31.406.849.765	(15.623.201.673)
Cộng	(46.994.236.317)	31.406.849.765	(15.587.386.552)
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.220.869.999	-	2.220.869.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.217.864.478	31.406.849.765	114.624.714.243
Cộng	85.438.734.477	31.406.849.765	116.845.584.242

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Hiền

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Trung